

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 06/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	001	Trần Ngọc	Tú	CĐKS27N29	51.5	73.5	72.5	65.8	6.6
2	002	Đoàn Quốc	Vũ	CĐKS29N01	69.5	54.1	78.0	67.2	6.7
3	003	Trần Thị Kim	Ngọc	CĐKS29N03	54.0	56.5	94.0	68.2	6.8
4	004	Nguyễn Lê Minh	Tiến	CĐKS29N05	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	005	Châu Lê Văn	Phát	CĐKS29N08	65.0	62.5	82.5	70.0	7.0
6	006	Trịnh Đức Việt	Hoàng	CĐKS29N12	68.0	76.5	91.0	78.5	7.9
7	007	Nguyễn Sỹ Kiên	Đạt	CĐKS29N14	57.5	64.5	84.5	68.8	6.9
8	008	Thạch Đoàn	Dương	CĐKS30N04	56.5	61.5	73.5	63.8	6.4
9	009	Nguyễn Hoàng	Phúc	CĐKS30N04	50.0	31.5	70.0	50.5	5.1
10	010	Lê Dương Trúc	Phương	CDKS30N08	72.5	75.0	96.0	81.2	8.1
11	011	Đặng Thanh	Ngân	CĐKS30N04	64.5	87.5	77.0	76.3	7.6
12	012	Huỳnh Phi	Đạt	CĐKS30N05	65.8	82.5	68.0	72.1	7.2
13	013	Trần Thị Kim	Tuyền	CĐKS30N05	51.5	85.5	93.0	76.7	7.7
14	014	Trần Văn	Vũ	CDKS30N07	60.5	74.1	79.5	71.4	7.1
15	015	Đoàn Minh	Thu	CĐKS28N09	50.0	70.5	89.0	69.8	7.0
16	016	Nguyễn Trung	Trực	CĐKS29N03	58.5	84.0	77.0	73.2	7.3
17	017	Tô Thị Phương	Lan	CĐKS29N05	50.0	62.0	77.5	63.2	6.3
18	018	Nguyễn Hữu	Phát	CĐKS29N06	64.0	62.5	96.0	74.2	7.4
19	019	Phạm Xuân	Cương	CĐKS30N02	60.0	61.0	78.5	66.5	6.7
20	020	Võ Thị Ngân	Huệ	CĐKS30N03	57.0	65.0	74.5	65.5	6.6
21	021	Tô Hoa	Phượng	CĐKS30N03	71.0	65.5	80.5	72.3	7.2

Tổng số sinh viên : 21

Vắng mặt: 01

Hiện diện: 20

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 06/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	022	Phạm Thị Kiều	Sương	CĐKS30N03	56.0	81.5	94.0	77.2	7.7
2	023	Nguyễn Ngọc	Trinh	CĐKS30N03	61.5	83.1	86.0	76.9	7.7
3	024	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	CĐKS30N03	0.0	73.0	88.5	53.8	5.4
4	025	Phạm Thành	Danh	CĐKS30N04	54.5	50.5	82.0	62.3	6.2
5	026	Nguyễn Thị Tú	Hào	CĐKS30N04	68.5	63.0	68.5	66.7	6.7
6	027	Võ Quang	Huy	CĐKS30N04	50.0	52.5	66.0	56.2	5.6
7	028	Hoàng Thị Nguyệt	Nhi	CĐKS30N04	74.5	60.5	85.0	73.3	7.3
8	029	Trần Tịnh Chánh	Phúc	CĐKS30N04	70.5	62.0	72.0	68.2	6.8
9	030	Dương Ngọc	Quỳnh	CĐKS30N04	66.5	73.5	75.5	71.8	7.2
10	031	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CĐKS30N04	39.5	0.0	89.0	42.8	4.3
11	032	Huỳnh Phi	Đạt	CĐKS30N05	65.8	82.5	68.0	72.1	7.2
12	033	Trần Thị Kim	Tuyền	CĐKS30N05	51.5	85.5	93.0	76.7	7.7
13	034	Trần Văn	Vũ	CDKS30N07	60.5	74.1	79.5	71.4	7.1
14	035	Đình Hoàng Hồng	Ngọc	CDKS30N08	60.0	70.1	69.0	66.4	6.6
15	036	Nguyễn Thanh	Vĩ	CDKS30N08	50.0	51.0	80.0	60.3	6.0
16	037	Võ Thị Kim	Hồng	CDKS30N09	0.0	64.0	58.0	40.7	4.1
17	038	Nguyễn Tuấn	Long	CDKS30N09	66.0	74.5	85.5	75.3	7.5

Tổng số sinh viên : 17

Vắng mặt: 02

Hiện diện: 15

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 06/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	039	Trần Ngọc	Tú	CĐKS27N29	51.5	73.5	72.5	65.8	6.6
2	040	Đoàn Quốc	Vũ	CĐKS29N01	69.5	54.1	78.0	67.2	6.7
3	041	Trần Thị Kim	Ngọc	CĐKS29N03	54.0	56.5	94.0	68.2	6.8
4	042	Nguyễn Lê Minh	Tiến	CĐKS29N05	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	043	Châu Lê Văn	Phát	CĐKS29N08	65.0	62.5	82.5	70.0	7.0
6	044	Trịnh Đức Việt	Hoàng	CĐKS29N12	68.0	76.5	91.0	78.5	7.9
7	045	Nguyễn Sỹ Kiến	Đạt	CĐKS29N14	57.5	64.5	84.5	68.8	6.9
8	046	Thạch Đoàn	Dương	CĐKS30N04	56.5	61.5	73.5	63.8	6.4
9	047	Nguyễn Hoàng	Phúc	CĐKS30N04	50.0	31.5	70.0	50.5	5.1
10	048	Lê Dương Trúc	Phương	CDKS30N08	72.5	75.0	96.0	81.2	8.1
11	049	Huỳnh Phi	Đạt	CĐKS30N05	65.8	82.5	68.0	72.1	7.2
12	050	Trần Thị Kim	Tuyền	CĐKS30N05	51.5	85.5	93.0	76.7	7.7
13	051	Trần Văn	Vũ	CDKS30N07	60.5	74.1	79.5	71.4	7.1
14	052	Đặng Thanh	Ngân	CĐKS30N04	64.5	87.5	77.0	76.3	7.6
15	053	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	CĐKS30N08	61.0	76.5	60.0	65.8	6.6

Tổng số sinh viên : 15

Vắng mặt: 01

Hiện diện: 14

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 06/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	053	Võ Thị Bích	Hạnh	CĐKS29N13	57.0	87.0	71.5	71.8	7.2
2	054	Nguyễn Thị Tú	Hào	CĐKS30N04	68.5	63.0	68.5	66.7	6.7
3	051	Phạm Huỳnh Đoan	Kiện	CĐKS30N04	58.5	0.0	69.5	42.7	4.3
4	053	Phan Viết	Ngọc	CĐKS30N04	55.5	60.5	93.0	69.7	7.0
5	054	Trần Tịnh Chánh	Phúc	CĐKS30N04	70.5	62.0	72.0	68.2	6.8
6	053	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CĐKS30N04	39.5	0.0	89.0	42.8	4.3
7	054	Lâm Kiều	Ngân	CDKS30N06	66.5	67.0	69.5	67.7	6.8
8	051	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	CDKS30N08	61.0	76.5	60.0	65.8	6.6
9	053	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	CDKS30N08	69.5	77.0	80.5	75.7	7.6
10	054	Đình Hoàng Hồng	Ngọc	CDKS30N08	60.0	70.1	69.0	66.4	6.6

Tổng số sinh viên : 10

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 10